

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày 05/3/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Dung

Ông Nguyễn Văn Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Trà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 77/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị T - Sinh năm: 1986;

CCCD số: 038186xxxxxx

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn Q, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn G - Sinh năm: 1986;

CCCD số: 038086xxxxxx

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2025, bản tự khai ngày 10/12/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Bùi Văn G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/6/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình

không phù hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cãi vã lẫn nhau. Từ giữa tháng 3/2022 đến nay, chị T về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn G.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là: Bùi Quốc B (Giới tính: Nam) – sinh ngày 04/3/2006 và Bùi Thị Thúy V (Giới tính: Nữ) – sinh ngày 25/01/2009. Các con phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Hiện nay cháu B đã trưởng thành và tự lập được nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu V, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu V ở cùng với anh G, do anh G nuôi dưỡng. Vì vậy, khi ly hôn chị T đề nghị giao cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng cháu V. Về cấp dưỡng nuôi con chung, vợ chồng tự thỏa thuận chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung. Nhà đất anh Bùi Văn G đang ở là nhà đất bố mẹ anh G cho trước hôn nhân. Vì vậy, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Văn G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của anh Bùi Văn G.

Tại Biên bản xác minh ngày 14/11/2025, chính quyền địa phương xã T, tỉnh Thanh Hóa nơi chị T, anh G có đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Chị Trần Thị T – sinh năm 1986 và anh Bùi Văn G – sinh năm 1986 đều có ĐKTT tại: thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T (N là xã T), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/6/2005. Sau khi kết hôn chị T và anh G sinh sống tại thôn Đ, xã T. Sau đó, chị T về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Q. Chính quyền địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh G là gì. Về con chung: chị Trần Thị T và anh Bùi Văn G có 02 con chung, các cháu tên là Bùi Quốc B (Giới tính: Nam) – sinh ngày 04/3/2006 và Bùi Thị Thúy V (Giới tính: Nữ) – sinh ngày 25/01/2009. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở cùng với anh G tại thôn Đ. Cháu Bùi Quốc B đã trưởng thành và tự lập được; cháu Bùi Thị Thúy V học lớp 11 trường THPT T1. Về điều kiện kinh tế: Chị Trần Thị T hiện nay đang sinh sống tại thôn Q, xã T; chính quyền địa phương chỉ biết chị T hiện nay đang làm công nhân nhưng không nắm được rõ công việc và thu nhập cụ thể như thế nào. Anh Bùi Văn G hiện nay đang làm nghề thợ xây, chính quyền địa phương không nắm được mức thu nhập cụ thể như thế nào, chỉ biết khoảng 7.000.000 – 8.000.000 đồng/tháng. Anh G có nhà đất tại thôn Đ, xã T. Hiện nay, anh G và các con đang sinh sống trên nhà đất này. Về đạo đức, lối sống: Quá trình sinh sống tại địa phương, chị T và anh G có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa chị Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Bùi Văn G.

Giao con chung là Bùi Thị Thúy V (Giới tính: Nữ) – sinh ngày 25/01/2009 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị T có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Bùi Văn G có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

Anh Bùi Văn G đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ anh Bùi Văn G cố tình trốn tránh nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh G là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Bùi Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/6/2005. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Bùi Văn G là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ tháng 3/2022, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay, chị Trần Thị T xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh G không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn anh G. Quá trình giải quyết vụ án anh G đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không

đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh G không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Bùi Văn G đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Bùi Văn G là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Bùi Văn G có 02 con chung tên là Bùi Quốc B (Giới tính: Nam) – sinh ngày 04/3/2006 và Bùi Thị Thúy V (Giới tính: Nữ) – sinh ngày 25/01/2009. Các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Hiện nay cháu B đã trưởng thành và tự lập được nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu V, chị T đề nghị giao cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T và anh giao tự thỏa thuận, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án không thu thập được nguyện vọng của anh G. Tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển cho các con, thấy rằng: Anh Bùi Văn G hiện nay đang làm nghề thợ xây, thu nhập khoảng 7.000.000 – 8.000.000 đồng/ tháng. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu V ở cùng với anh G, được anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu ổn định. Cháu phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần. Cháu V có nguyện vọng được ở với bố. Nguyện vọng của chị T và cháu V là hoàn toàn chính đáng. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của cháu V về mọi mặt và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho cháu V. Do đó, giao cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Thúy V đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật

tổ tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Bùi Văn G.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Bùi Thị Thúy V (Giới tính: Nữ) – sinh ngày 25/01/2009 cho anh Bùi Văn G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002361 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Bùi Văn G không phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Bùi Văn G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND khu vực 7 – Thanh Hoá;
- UBND xã Thạch Quảng;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang